

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 01 - Đợt 2

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 25 – 26/01/2024

Ngày cung cấp TT: 27/01/2024

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công mở.
2	2	Công Hữu Bị	Công mở.
3	3	Công Cốc Thành	Công mở.
4	4	Công sông Chanh	Công mở.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cỏ Đam	Công đóng.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Công mở
10	13	Đầu kênh CG16	Công mở.
11	16	Đập Vua (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Công Như Trác, Công Hữu Bị, Công Cốc Thành, Công Sông Chanh, Công Nhâm Tràng, Công Kinh Thanh, Công Cổ Đam, Công Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đập La Chợ, Đầu kênh T6, Cầu Chũ (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đập An Bài (sông Châu Giang).

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên,

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh CG 16, Đầu kênh S48, Đập Vua (CG12),

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên,

Tiếp tục điều hành như hiện trạng, tăng cường lấy nước vào hệ thống khi mực nước ngoài sông cao đảm bảo lượng nước và chất lượng nước cung cấp cho các nhu cầu sản xuất.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 12 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở, đang lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm đang hoạt động lấy nước tưới. Nước màu vàng lục.	7.54	27.9	7.98	0.2	0.171	0.104	266	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 9°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 12 km/h. Dòng chảy vừa. Cống mở đang lấy nước vào. Trạm bơm đang hoạt động. Nước màu vàng đục.	7.62	27.6	7.98	0.2	0.233	0.097	271	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
3	Cống Cốc	Đánh giá nhanh chất	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 60%, mật	7.61	16.7	7.8	0.3	0.381	0.126	238	Các chỉ tiêu quan trắc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Thành	lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	độ mây 100%, gió Đông 17 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở, đang lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm đang hoạt động lấy nước tưới. Nước màu vàng lục.								hiện trường pH, DO đạt mức A.
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 11°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 13 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở, đang lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.47	38.7	7.3	0.2	0.326	0.198	269	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm	Trời hừng nắng, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 100%, gió Đông 17 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động, mực	7.15	13.7	6.74	0.4	0.326	0.340	541	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	nước nội đồng cao hơn. Nước màu vàng lục.								
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 100%, gió Đông 17 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.4	18.3	6.89	0.4	0.350	0.362	518	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
7	Cống Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 11°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 100%, gió Đông 17 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước bề hút cao hơn. Trạm bơm đang hoạt động lấy	7.24	34.8	7.21	0.4	0.342	0.351	534	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			nước tưới. Nước màu vàng lục.								
8	Cổng Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 13 km/h. Không có dòng chảy, cống vừa đóng, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.6	50.1	7.94	0.2	0.202	0.110	262	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời âm u, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 13 km/h. Dòng chảy chậm, hướng từ Sông Chanh về Cốc Thành. Nước màu vàng lục.	7.73	17.8	6.58	0.3	0.404	0.153	367	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
10	Đầu	Kiểm tra chất	Trời âm u, nhiệt độ	7.58	45	6.7	1.3	0.474	3.645	1600	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	kênh C9	lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	10°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 13 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng đục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 11°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 14 km/h. Dòng chảy rất chậm về hướng Vĩnh Trị. Nước màu vàng lục.	7.7	37.8	7.67	0.2	0.256	0.113	287	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho	Trời âm u, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 12 km/h. Dòng chảy vừa từ sông	7.81	27.3	6.84	0.3	0.326	0.131	367	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Huyện Bình Lục.	Châu Giang vào sông Sắt, cống mở, thượng lưu cống nhiều bèo. Nước màu vàng lục.								
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời âm u, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 12 km/h. Không có dòng chảy, cống mở, mực nước đầy. Nước màu xanh xám.	7.29	44	4.49	0.3	0.987	1.148	401	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời âm u, nhiệt độ 9°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 12 km/h. Dòng chảy rất chậm từ cống 3/2 về. Nước màu vàng đục.	7.31	64.5	7.8	0.2	0.218	0.101	309	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu	Trời âm u, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 14 km/h. Dòng chảy chậm từ nội	7.51	36	4.62	0.4	1.049	1.215	517	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	đồng ra ngã ba. Nước màu vàng lục.								
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời âm u, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 12 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu xanh lục.	6.91	30.4	4.7	0.5	1.150	3.173	658	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời âm u, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 12 km/h. Dòng chảy vừa từ hướng Hữu Bị về. Thượng lưu cầu có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	7.24	33.9	7.13	0.2	0.210	0.110	347	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
18	Cầu Yên Trung (kênh Kính)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 100%, gió Đông 17 km/h. Dòng chảy chậm hướng	7.26	32.6	6.89	0.4	0.342	0.380	548	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Thủy)	Liên. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	về phía Cỏ Đam. Hai bờ kênh có bờ. Nước màu vàng lục.								
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 10°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 13 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu vàng lục.	7.36	84.1	6.73	0.6	0.334	3.443	835	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
20	Đầu kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 9°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 100%, gió Tây Nam 13 km/h. Không có dòng chảy. Nước màu vàng đục.	7.4	45	6.54	0.4	0.264	0.126	545	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

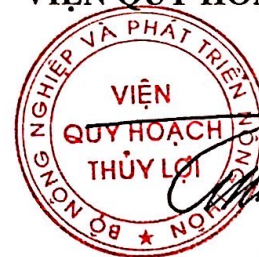
QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn